

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NAM ĐỊNH

(Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0600001446 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 28/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 cấp ngày 14/11/2018)

- Số 89, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
- Điện thoại: 02283 849 402
- Fax: 02283 849 402
- Website: <http://congtrinhdothinamdinh.vn/>

Nam Định, Tháng 4 năm 2019

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	6
I. NỘI DUNG	7
1. Thông tin chung.....	7
2. Thông tin khái quát:	7
3. Quá trình hình thành và phát triển:.....	7
4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty.....	8
4.1 Ngành nghề kinh doanh của Công ty :.....	8
4.2 Địa bàn kinh doanh của Công ty:.....	8
5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	8
5.1 Mô hình quản trị Công ty:.....	8
5.2 Các công ty con, công ty liên kết:.....	12
6. Định hướng phát triển	12
6.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty:	12
6.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:.....	13
6.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng).....	13
7. Các rủi ro	13
7.1 Rủi ro kinh tế:	13
7.2 Rủi ro về lạm phát:.....	13
7.3 Rủi ro luật pháp:.....	13
7.4 Rủi ro đặc thù ngành.....	14
7.5 Rủi ro khác:.....	14
II. Tình hình hoạt động trong năm	14
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	14
1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:	14
1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:.....	15
2. Tổ chức và nhân sự:	15
2.1 Danh sách ban điều hành:	15
2.2 Những thay đổi ban điều hành:.....	20
2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:.....	20
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	22
3.1 Các khoản đầu tư lớn:	22
3.2 Các công ty con, công ty liên kết:.....	22
4. Tình hình tài chính	22
4.1 Tình hình tài chính:.....	22
4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:.....	22
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	23
5.1 Cổ phần:	23
5.2 Cơ cấu cổ đông:	23

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:	24
5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:	24
5.5 Các chứng khoán khác:.....	24
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	24
6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:	24
6.2 Tiêu thụ năng lượng:.....	24
6.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm).....	24
6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:	24
6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:.....	24
6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.....	25
6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:.....	25
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty).....	25
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	25
2. Tình hình tài chính	26
2.1 Tình hình tài sản:.....	26
2.2 Tình hình nợ phải trả:.....	27
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	28
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	28
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.....	30
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.....	30
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)	31
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội	31
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	31
2.1 Những việc đã làm được:	31
2.2 Những hạn chế cần khắc phục:	32
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	32
V. Quản trị công ty	32
1. Hội đồng quản trị.....	32
1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:	32
1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:	32
1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	33
1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:	33
1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:.....	33

2. Ban Kiểm soát	33
2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:.....	33
2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát:	33
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	34
3.1 Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích:	34
3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:.....	34
3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:.....	34
3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:	34
VI. Báo cáo tài chính	34
1. Ý kiến kiểm toán	34
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	35

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

QĐ:	Quyết định
UBND:	Ủy ban nhân dân
DTT:	Doanh thu thuần
TSCĐ:	Tài sản cố định
BCTC:	Báo cáo tài chính
HĐQT:	Hội đồng quản trị
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
HĐLĐ:	Hợp đồng lao động
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
CMND:	Chứng minh nhân dân
CTCP:	Công ty cổ phần

I. NỘI DUNG

1. Thông tin chung

2. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NAM ĐỊNH
- Tên tiếng Anh: NAM DINH URBAN CONSTRUCTION MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: UCMC.JSC
- Trụ sở chính: Số 89, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
- Điện thoại: 02283 849 402
- Fax: 02283 849 402
- Website: <http://congtrinhdothinamdinh.vn/>
- Vốn điều lệ đăng ký: 18.416.170.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 18.416.170.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh Dũng – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0600001446 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 28/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 cấp ngày 14/11/2018
- Ngày trở thành Công ty đại chúng: 19/10/2016
- Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, khai thác, vận hành công trình; Quản lý bảo trì đường đô thị.
- Mã chứng khoán: UMC (Sàn giao dịch: UPCOM)

3. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Công trình đô thị Nam Định tiền thân là Công ty quản lý công trình đô thị Thành phố Nam Định được thành lập theo Quyết định số 420/QĐ-UB ngày 12 tháng 5 năm 1986 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh về việc giải thể Phòng quản lý công trình công cộng và hợp nhất: Đội công viên cây xanh, Đội duy tu, trại cây ăn quả thành công ty quản lý công trình đô thị.

Năm 1992 thực hiện Quy chế thành lập và giải thể doanh nghiệp Nhà nước ban hành kèm theo Nghị định 388 – HĐBT ngày 20/11/1991 và Nghị định 156 – HĐBT ngày 07/5/1992 của Hội đồng Bộ trưởng sửa đổi, bổ sung Nghị định 388 – HĐBT và Quyết định số 685/QĐUB ngày 30 tháng 12 năm 1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Hà về việc thành lập Công ty công trình đô thị Nam Hà.

Năm 2002, Công ty công trình đô thị Nam Định được thành lập theo Quyết định số: 3071/QĐ-UBND ngày 12/12/2002 của UBND tỉnh Nam Định về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích.

Năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 07/03/2016 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Nam Định. Ngày 06/05/2016, Công ty tiến hành chào bán cổ phần lần đầu ra bên ngoài.

Ngày 01/08/2016, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy đăng ký chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600001446 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp với vốn điều lệ là 18.416.170.000 đồng.

Ngày 19/10/2016, Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành Công văn số 7147/UBCK-GSĐC chấp thuận đăng ký công ty đại chúng của Công ty cổ phần Công trình đô thị Nam Định.

Ngày 25/07/2017, Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu số 16301/VSD-ĐK với số lượng chứng khoán đăng ký lần đầu là 1.841.617 cổ phiếu. Ngày 28/08/2017, Cổ phiếu công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch UPCOM với mã chứng khoán UMC.

4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty

4.1 Ngành nghề kinh doanh của Công ty :

Quản lý, khai thác, vận hành các công trình: Điện chiếu sáng công cộng, hệ thống tiêu thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống đường hè phố, công viên, thảm cỏ, cây xanh; Quản lý bảo trì đường đô thị; Dịch vụ công cộng: vệ sinh môi trường công cộng; quản lý công viên; trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay; quản lý nghĩa trang, hỏa táng; Kinh doanh, cho thuê, tạo dáng dịch vụ trồng và chăm sóc các sản phẩm cây xanh, hoa cây cảnh, thảm cỏ, chim, đá, cá cảnh;...

- Sản phẩm/dịch vụ chính: Quản lý, khai thác, vận hành công trình; Quản lý bảo trì đường đô thị.

4.2 Địa bàn kinh doanh của Công ty:

Địa bàn thành phố Nam Định và các khu vực lân cận.

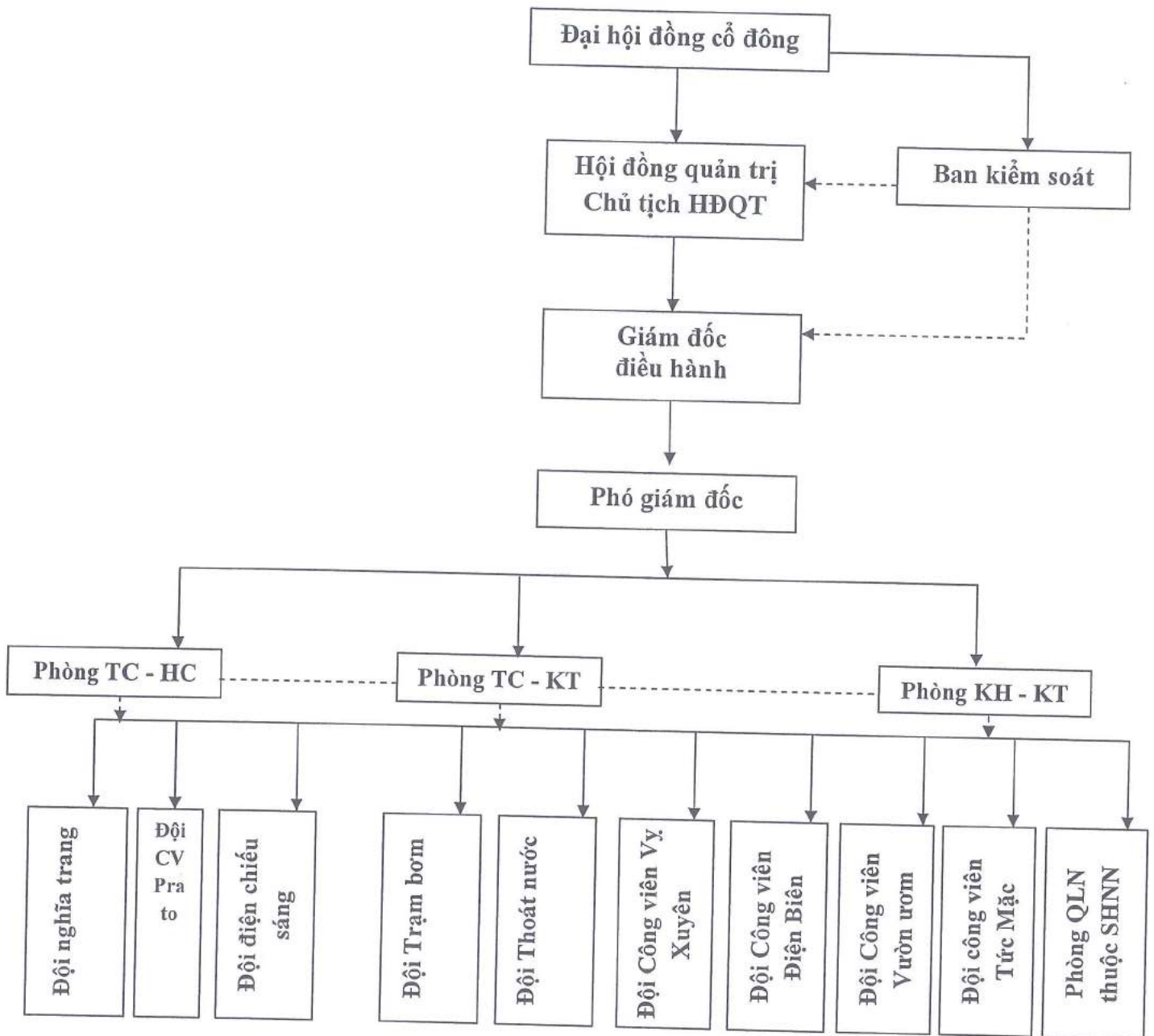
5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

5.1 Mô hình quản trị Công ty:

Hiện tại, Công ty cổ phần Công trình đô thị Nam Định đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng dựa trên mục

tiêu phát triển, chiến lược kinh doanh của Công ty, đồng thời tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Công trình đô thị Nam Định



Cơ cấu bộ máy quản lý:

- **Đại hội đồng cổ đông:**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt,

các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng Quản trị của Công ty.

- **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị gồm 04 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- Nếu là người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định tại văn bản pháp luật hiện hành về quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

- **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát hiện có 03 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

- **Ban Giám đốc:**

Hiện có 02 thành viên, trong đó có: 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc. Giám đốc Công ty là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Giám đốc điều hành có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Thực hiện các nghị quyết của hội đồng quản trị và đại hội đồng cổ đông. Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Hội đồng quản trị
- Phó Giám đốc là người giúp cho Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt

động của Công ty theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc điều hành, đồng thời, chịu trách nhiệm trước Giám đốc điều hành và pháp luật về nhiệm vụ được phân công, ủy quyền.

- **Các Phòng, Ban, Chi nhánh và Các đơn vị trực thuộc của Công ty:**

Các phòng ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong các mảng công việc chuyên môn do bộ phận mình phụ trách, cụ thể:

- **Phòng Tài chính kế toán:**

- Tham mưu cho Chủ tịch HĐQT, giám đốc công ty trong công tác quản lý kinh tế tài chính theo quy định quản lý tài chính hiện hành. Quản lý và sử dụng nguồn vốn hiện có của Công ty: Vốn cố định, vốn lưu động thuộc nguồn ngân sách cấp và nguồn vốn hợp pháp khác.
- Xây dựng qui chế quản lý tài chính phù hợp với các văn bản của nhà nước.
- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị công ty và pháp luật nhà nước về hoạt động tài chính của Công ty.

- **Phòng Tổ chức hành chính:**

- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh và bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty, quản lý lao động nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị và sản xuất kinh doanh có hiệu quả;
- Quản lý hồ sơ CBCNV và công văn đi, đến trong toàn Công ty, giải quyết thủ tục tuyển dụng, thôi việc, bổ nhiệm, bãi miễn, kỷ luật, khen thưởng, hưu trí...là thành viên thường trực của Hội đồng thi đua khen thưởng kỷ luật của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thi tay nghề cho CBCNV. Tham mưu cho lãnh đạo Công ty việc thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi của người sử dụng lao động và người lao động trong Công ty.
- Tham mưu cho Ban giám đốc Công ty và chỉ đạo thực hiện các Nội qui, Qui chế của Công ty nhằm quản lý tốt con người, tài sản của Công ty..

- **Phòng Kế hoạch kỹ thuật:**

- Tham mưu và tổ chức thực hiện giúp Ban lãnh đạo Công ty về xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch quản lý, duy tu, cải tạo nâng cấp các công trình cơ sở hạ tầng thuộc các lĩnh vực được thành phố giao;
- Tham mưu và tổ chức thực hiện giúp Ban lãnh đạo Công ty về xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch quản lý kỹ thuật;

- **Phòng quản lý nhà thuộc sở hữu nhà nước:**

- Tham mưu giúp Ban lãnh đạo công ty quản lý nhà ở thuộc SHNN hiện có và phát triển nhà ở xã hội, trong đó có nhà ở của người nghèo, nhà ở công nhân và nhà ở sinh viên;
- Duy trì và phát triển quỹ nhà ở thuộc SHNN trên địa bàn thành phố Nam Định.

- **Đội thoát nước:**
Thực hiện các công việc nạo vét cống, hố ga, tiêu thoát nước đô thị, quản lý báo cáo các sự cố trên đường phố.
- **Đội trạm bơm:**
Quản lý vận hành 02 trạm bơm hai đầu thành phố, gồm: trạm bơm Kênh Gia, trạm bơm Quán chuột.
- **Đội nghĩa trang:**
Quản lý nghĩa trang Cảnh Phụng, Nghĩa trang Tam Điệp, Tổ cơ giới của Công ty và phục vụ tang lễ.
- **Đội điện chiếu sáng:**
Quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng đô thị, đèn trang trí trong thành phố và 03 công chào điện tử, đèn tín hiệu giao thông, đài phun nước.
- **Các Đội công viên:**
Quản lý các công viên trên địa bàn thành phố phục vụ nhân dân vui chơi, giải trí.

5.2 Các công ty con, công ty liên kết:

- Các công ty con: Không có.
- Các công ty liên kết: Không có.

6. Định hướng phát triển

6.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

- **Liên kết:** Liên kết các cổ đông, đối tác có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị, sản phẩm và thị trường; Đồng thời thúc đẩy mạnh liên kết các bộ phận trong doanh nghiệp tạo ra chuỗi giá trị, nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn.
- **Ngành nghề và sản phẩm:** Phát triển vững chắc - tập trung thực hiện tốt các gói hợp đồng cung cấp dịch vụ công ích được giao. Chuẩn bị các chiến lược sản phẩm và thị trường để phát triển sản xuất kinh doanh.
- **Về kỹ thuật, công nghệ:** Từng bước đổi mới công nghệ thi công, trang thiết bị tiên tiến nhằm nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ, tăng trưởng chất lượng, tạo ra giá trị gia tăng cao. Hợp tác với đối tác nước ngoài trong việc chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật phục vụ quá trình vận hành trang thiết bị nhằm nâng cao năng suất, giá cả, chất lượng sản phẩm, dịch vụ tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao.
- **Đổi mới:** Đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp; Tạo dựng và phát triển thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp. Công ty là đơn vị dẫn đầu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Nam Định.

6.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Xây dựng Công ty Cổ phần Công trình đô thị Nam Định mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn nhân lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
- Xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ tốt, sức cạnh tranh cao hơn.
- Xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.
- Xây dựng đơn vị thành một đơn vị đi đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công ích và dân sinh, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống.

6.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ, giữ vững thương hiệu, đảm bảo mỹ quan đô thị, môi trường Sáng – Xanh – Sạch – Đẹp trên tất cả các địa bàn mà công ty phục vụ.

7. Các rủi ro

7.1 Rủi ro kinh tế:

Kể từ khi tiến hành đổi mới, mở cửa để hội nhập với thế giới với việc Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và tham gia một loạt các Hiệp định song phương, đa phương thì những biến động của nền kinh tế toàn cầu sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam.

Tốc độ đô thị hóa ngày một nhanh, trong khi đó cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, dẫn đến công tác phục vụ đô thị luôn chạy theo, biến động liên tục trong những năm tới.

7.2 Rủi ro về lạm phát:

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế phát triển thường đi đôi với lạm phát. Tuy nhiên, lạm phát cao lại là nguy cơ gây bất ổn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, do đó tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và thị trường chứng khoán. Nhận thức rõ điều này, lạm phát luôn là chỉ số được Công ty cổ phần Công trình đô thị Nam Định theo dõi chặt chẽ để đưa ra các điều chỉnh kịp thời đối với hoạt động của mình.

7.3 Rủi ro luật pháp:

Pháp luật và những chính sách của Việt Nam thường xuyên có những thay đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế, do đó đòi hỏi Công ty phải có sự chuyển đổi cơ chế, chính sách nội bộ của mình kịp thời.

Là Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty cổ phần Công trình đô thị Nam Định chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.... Trong khi các luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

7.4 Rủi ro đặc thù ngành

Với đặc điểm là một đơn vị cung cấp các dịch vụ công ích, cung ứng và chăm sóc cây xanh, cảnh quan thành phố, quản lý hệ thống chiếu sáng công cộng, hoạt động của Công ty chịu tác động trực tiếp và rất mạnh mẽ của yếu tố khí hậu.

Khí hậu có những diễn biến hết sức phức tạp, gió bão tàn phá hệ thống cây xanh và hệ thống đèn chiếu sáng công cộng ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của Công ty, tuy nhiên đây lại là yếu tố khách quan không thể tránh khỏi.

7.5 Rủi ro khác:

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như rủi ro do hỏa hoạn, thiên tai; rủi ro trong quá trình chào hàng, đàm phán và ký kết hợp đồng,... những rủi ro này cũng có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Bảng số 1: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2017 – 2018

Đơn vị tính: Tr.đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	46.835	45.151
Doanh thu thuần	46.835	45.151
Lợi nhuận gộp	3.309	4.395
Lợi nhuận thuần	599	671
Lợi nhuận khác	299	261
Lợi nhuận kế toán trước thuế	898	932
Lợi nhuận sau thuế	620	741

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh thực hiện 2018 với	
				Kế hoạch 2018 (%)	Thực hiện 2017 (%)
Tổng doanh thu (Tr. đồng)	48.045	43.000	46.220	107,49%	96,20%
Lợi nhuận trước thuế (Tr.đồng)	898	1.100	932	84,73%	103,79%
Lợi nhuận sau thuế (Tr.đồng)	620	900	741	82,33%	119,52%
Cổ tức (%)	3%	3%	3%	100%	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2018, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018 của Công ty)

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Danh sách ban điều hành:

Bảng số 2: Danh sách thành viên Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Thái Sơn	Giám đốc – Bỏ nhiệm từ ngày 12/12/2018
2	Lê Chí Hiền	Phó Giám đốc – Bỏ nhiệm từ ngày 09/6/2018
3	Phạm Thị Hải Quỳnh	Kế toán trưởng – Bỏ nhiệm từ ngày 01/08/2016

Lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của thành viên Ban Điều hành

- 1. Họ và tên** : **Phạm Thái Sơn**
- Số CMND : 162256119 cấp ngày 22/01/2015 tại Nam Định
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 13/09/1979
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú : Số 150 – Đinh Thị Vân – phường Lộc Hạ - thành phố Nam Định
- Địa chỉ hiện tại : Số 150 – Đinh Thị Vân – phường Lộc Hạ - thành phố Nam Định
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT, giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 16.200 cổ phần, chiếm 0,87% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : 00 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Quá trình Công tác:

Thời gian	Vị trí công tác, nhiệm vụ
2003-2009	Cán bộ Phòng KH-KT Công ty công trình đô thị Nam Định
2009-2011	Cán bộ Phòng KH-KT; Bí thư Đoàn thanh niên; Phó bí thư chi bộ thoát nước nhiệm kỳ 2010-2012 Công ty công trình đô thị Nam Định.
Tháng 2/2012- Tháng 10/2012	Phó phòng, phụ trách Phòng kế hoạch kỹ thuật, Ủy viên BCH Đảng bộ Công ty TNHH một thành viên công trình đô thị Nam Định.
Tháng 10/2012 – Tháng 8/2016	Trưởng Phòng kế hoạch kỹ thuật, Ủy viên BCH Đảng bộ, Bí thư Chi bộ Văn phòng nhiệm kỳ 2015-2017 Công ty TNHH một thành viên công trình đô thị Nam Định.
Tháng 8/2016 – Tháng 10/2017	Trưởng Phòng kế hoạch kỹ thuật, Thư ký

	HDQT; Ủy viên BCH Đảng bộ, Bí thư Chi bộ Văn phòng nhiệm kỳ 2015-2017 Công ty cổ phần công trình đô thị Nam Định.
Tháng 10/2017 – Tháng 4/2018	Trưởng Phòng kế hoạch kỹ thuật kiêm Trưởng phòng Quản lý nhà thuộc SHNN; Thư ký HDQT; Ủy viên BCH Đảng bộ Công ty cổ phần công trình đô thị Nam Định.
Tháng 6/2018 – tháng 11/2018	Trưởng Phòng kế hoạch kỹ thuật kiêm Trưởng phòng Quản lý nhà thuộc SHNN; Thư ký HDQT; Ủy viên BCH Đảng bộ Công ty cổ phần công trình đô thị Nam Định; Phó giám đốc Công ty
Tháng 12/2018 đến nay	Phó bí thư Đảng ủy, Thành viên HDQT; Giám đốc Công ty.

- 2. Họ và tên** : **Lê Chí Hiền**
- Số CMND : 162259113 cấp ngày 17/03/2010 tại Công an tỉnh Nam Định
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 18/08/1979
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Địa chỉ thường trú : Số nhà 179 đường Trần Thánh Tông phường Hạ Long Thành phố Nam Định
 - Địa chỉ hiện tại : Số nhà 179 đường Trần Thánh Tông phường Hạ Long Thành phố Nam Định
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Lâm học – Trường Đại Học Lâm Nghiệp Việt Nam
 - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HDQT, Phó giám đốc Công ty
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
 - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 16.200 cổ phần, chiếm 0,87% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phiếu được ủy quyền : 00 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí công tác, nhiệm vụ
Từ năm 2002-2005	<ul style="list-style-type: none"> - Đảng viên dự bị kết nạp ngày 05/9/2005; - Cán bộ phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty Công trình đô thị Nam Định; - Ủy viên BCH Đoàn Công ty, Bí thư Chi đoàn văn phòng – Thoát nước.
Từ năm 2006-2008	<ul style="list-style-type: none"> - Đảng viên chi bộ công viên; - Cán bộ phòng Kế hoạch – Kỹ thuật; - Ủy viên BCH Đoàn Công ty, Bí thư Chi đoàn Công viên.
Từ năm 2008-2010	<ul style="list-style-type: none"> - Đảng viên chi bộ công viên; - Cán bộ phòng Kế hoạch – Quản lý; - Ủy viên BCH Công đoàn công ty; - Ủy viên BCH Đoàn Công ty, Bí thư Chi đoàn Công viên.
Từ năm 2010-2012	<ul style="list-style-type: none"> - Đảng viên chi bộ công viên; Phó Bí thư Chi bộ công viên - Cán bộ phòng Kế hoạch – Kỹ thuật; - Ủy viên BCH Công đoàn công ty; - Bí thư Đoàn Công ty .
Từ 2013 - 2014	<ul style="list-style-type: none"> - Đảng viên chi bộ công viên; Phó Bí thư Chi bộ công viên - Phó trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật - Bí thư Đoàn Công ty.

Từ 2015-2018	- Ủy viên BCH Đảng Ủy; - Phó trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật.
Tháng 6/2018 – đến nay	Ủy viên BCH Đảng ủy, Thành viên HĐQT, Phó giám đốc kiêm trưởng phòng KH-KT

- 3. Họ và tên** : **Phạm Thị Hải Quỳnh**
- Số CMND : 162893689 cấp ngày 07/03/2005 Tại CA Nam Định
 - Giới tính : Nữ
 - Ngày tháng năm sinh : 31/07/1987
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Địa chỉ thường trú : Phố Cầu, Nam Hùng, Nam Trực, TP. Nam Định
 - Địa chỉ hiện tại : Phố Cầu, Nam Hùng, Nam Trực, TP. Nam Định
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 - Từ 2005 đến 2009 : Đại học Đà Lạt – chuyên ngành Kế toán – hệ chính quy
 - Quá trình Công tác
 - + Từ 01/2010 đến 06/2010 : Nhân viên phòng Kỹ thuật – Kinh doanh Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Nam Định
 - + Từ 07/2010 đến 01/2015 : Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Nam Định
 - + Từ 02/2015 đến 07/2016 : Phó phòng phụ trách phòng Tài chính – Kế toán Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Nam Định
 - + Từ 08/2016 đến nay : Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng CTCP Công trình đô thị Nam Định
 - Chức vụ công tác hiện nay tại : Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng

Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ : không chức khác
- Số lượng cổ phần cá nhân sở : 20.500 cổ phần, chiếm 1,11% vốn điều lệ hữu
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở : 0 cổ phần hữu
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

2.2 Những thay đổi ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Đỗ Minh Dũng	Chủ tịch HĐQT – Không điều hành	Được bầu từ ngày 01/11/2018
2	Trần Xuân Sánh	Nguyên Chủ tịch HĐQT	Từ nhiệm từ ngày 01/11/2018
3	Phạm Thái Sơn	Thành viên HĐQT – Điều hành	Bầu bổ sung ngày 21/04/2018
4	Lê Chí Hiền	Thành viên HĐQT – Điều hành	Bầu bổ sung ngày 21/04/2018
5	Nguyễn Ngọc Hùng	Thành viên HĐQT	Từ nhiệm từ ngày 21/04/2018
6	Nguyễn Văn Toàn	Thành viên HĐQT	Từ nhiệm từ ngày 21/04/2018

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Bảng số 3: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2018

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Tổng số	206	100%
1. Phân theo trình độ lao động		
- Đại học và trên Đại học	56	27,18
- Cao đẳng	29	14,07
- Trung cấp	30	14,56

- Công nhân kỹ thuật	18	8,73
- Lao động phổ thông	73	35,4
2. Phân theo giới tính		
- Nam	136	66
- Nữ	70	34

(Nguồn: Công ty cổ phần Công trình đô thị Nam Định)

• **Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng đối với sự phát triển, Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách ưu đãi hợp lý với người lao động, cụ thể như sau:

Chính sách đào tạo

- Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ, công tác lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển Công ty.
- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đầu ngành, đảm bảo đủ nhân lực chất lượng cao có khả năng về chuyên môn và ngoại ngữ để có thể đáp ứng được yêu cầu trong lĩnh vực.
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống đánh giá nhân sự, thường xuyên tổ chức đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý theo từng thời kỳ.
- Ban lãnh đạo sẽ tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức từ bộ phận quản lý đến các bộ phận trực tiếp theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với ngành nghề đào tạo, năng lực sở trường. Những cán bộ không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thì Công ty sẽ đào tạo lại hoặc bố trí việc làm khác cho phù hợp. Công ty ưu tiên nhận những người đã qua đào tạo cơ bản, tốt nghiệp đại học loại khá, giỏi theo nhu cầu tuyển dụng trong từng thời điểm.

Chính sách lương thưởng, trợ cấp

- Hoàn thiện cơ chế chính sách động viên, khuyến khích có hiệu quả đối với người lao động; Xây dựng cơ chế đánh giá, bổ nhiệm, đãi ngộ khoa học, công khai, minh bạch tạo môi trường làm việc văn minh, thoải mái nhằm phát huy tối đa năng lực của từng cán bộ, nhân viên đồng thời duy trì phát triển được nguồn nhân lực hiện có và thu hút được nguồn nhân lực từ bên ngoài. Hàng năm, tiến hành bố trí, sắp xếp lao động một cách hợp lý theo đúng quy định và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh. Trong đó, những lao động có tinh thần trách nhiệm cao, gắn bó với doanh nghiệp, lao động đã mua cổ phần tại Công ty đồng thời là cổ đông của Công ty sẽ được ưu tiên hơn khi Công ty thực hiện các chính sách lao động.
- Không ngừng nâng cao thu nhập đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Đảm bảo có chính sách tiền lương phù hợp, đáp ứng được những nhu cầu chính đáng của người lao động để duy trì đội ngũ lao động có trình độ năng lực và tâm huyết; thực hiện

việc phân phối tiền lương công bằng theo hiệu quả công việc, sự cống hiến của người lao động và phù hợp với điều kiện thị trường

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn:

Không có.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

Không có.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính:

Bảng số 4: Tình hình tài chính của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
Tổng giá trị tài sản (triệu đồng)	35.526	34.785
Doanh thu thuần (triệu đồng)	46.835	45.151
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (triệu đồng)	599	671
Lợi nhuận khác (triệu đồng)	299	261
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	898	932
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	620	741
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	3%	3%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng số 5: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (= TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,91	3,08
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn	Lần	2,89	3,04
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	18,92%	19,16%

Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	36.03%	35,88%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho BQ	Lần	315,68	222,98
Doanh thu thuần/Tổng tài sản <u>Doanh thu thuần</u> Tổng tài sản BQ	Lần	1,31	1,28
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,32%	1,64%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	3,32%	3,98%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,74%	2,11%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,28%	1,49%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP Công trình đô thị Nam Định)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 1.841.617 chứng khoán. Trong đó

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.556.717 cổ phiếu (chiếm 84,53%)
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng có điều kiện: 284.900 cổ phiếu (chiếm 15,47%)

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Bảng số 6: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2018

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp (%)
1	Cổ đông trong nước	205	1.841.617	100,00
1.1	Tổ chức (UBND tỉnh Nam Định)	01	1.210.751	65,74
1.2	Cá nhân	204	630.866	34,26
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0,00
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00
Tổng Cộng		205	1.841.617	100,00

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Công trình đô thị Nam Định)

Bảng số 7: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2018

Stt	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %/VDL thực góp
1	UBND tỉnh Nam Định (cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước)	Số 57 Vị Hoàng, TP. Nam Định	1.210.751	65,74
	Tổng cộng		1.210.751	65,74

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Công trình đô thị Nam Định)

- 5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.
- 5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.
- 5.5 Các chứng khoán khác: Không.
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty
- 6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:
- a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để cung cấp các dịch vụ chính của Công ty trong năm: Không
- b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không
- 6.2 Tiêu thụ năng lượng:
- a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Không
- b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không
- c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không
- 6.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)
- a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Không
- b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.
- 6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:
- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- 6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:
- a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động: 206 người.
- Mức lương trung bình đối với người lao động:

Bảng số 8: Mức lương trung bình đối với người lao động

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm (%)
Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	5,9	7,563	28,2

(Nguồn: Công ty cổ phần Công trình đô thị Nam Định)

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động.

Về an toàn lao động: Phương tiện và công cụ lao động luôn được trang bị đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn cho người lao động. Đối với những công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại, người lao động đều được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng, phù hợp, đảm bảo an toàn.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Hàng năm, Công ty hỗ trợ lương, đào tạo học việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động tham gia các lớp học tại chức, khóa học và lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao khả năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng số 9: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	46.835	45.151
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	46.835	45.151
Giá vốn hàng bán	43.525	40.756
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.309	4.395
Doanh thu hoạt động tài chính	911	784
Chi phí tài chính	-	-
Chi phí bán hàng	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.622	4.508
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	599	671
Thu nhập khác	299	285
Chi phí khác	0,11	24
Lợi nhuận khác	299	261
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	898	932
Chi phí thuế TNDN hiện hành	278	191
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	620	741

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

Công ty đã mở rộng đầu tư, cải tiến và tối ưu hoá công nghệ, năng lực cung cấp các dịch vụ hiện có, đa dạng hoá sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh. Phát huy nguồn nội lực, chọn lọc và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản:

Bảng số 10: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2018

TÀI SẢN	Năm 2017	Năm 2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	19.566	20.504
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	7.195	7.587
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	11.671	12.121
IV. Hàng tồn kho	112	254
V. Tài sản ngắn hạn khác	588	542
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	15.960	14.281
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
II. Tài sản cố định	15.811	14.248
1. TSCĐ hữu hình	11.322	9.759
2. TSCĐ vô hình	4.489	4.489
III. Bất động sản đầu tư	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	150	33
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	35.526	34.785

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

2.2 Tình hình nợ phải trả:

Bảng số 11: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2017 – 2018

Đơn vị tính: Tr.đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
A. NỢ PHẢI TRẢ	6.722	6.666
I. Nợ ngắn hạn	6.722	6.666
1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	19
2. Phải trả cho người bán	0,13	0,13
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	0,07	578
4. Phải trả người lao động	-	-

5. Phải trả nội bộ ngắn hạn	6.091	5.441
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	612	628
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
II. Nợ dài hạn	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp. Dưới Ban Giám đốc có các phòng ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận. Chính sách của công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty. Chính sách trả lương cho nhân viên theo năng lực làm việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: Công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên giám sát hoạt động tài chính cũng như công tác quản lý của công ty.

Công tác về công bố thông tin theo áp dụng đối với Công ty đại chúng được Ban lãnh đạo Công ty thực hiện nghiêm chỉnh và đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

➤ Về đầu tư nguồn vốn:

Để thực hiện kế hoạch ổn định và phát triển của Công ty cổ phần trong giai đoạn sau cổ phần hóa, Công ty sẽ đầu tư cho một số phần việc cụ thể sau:

- Công ty tiếp tục duy trì năng lực hiện có của Công ty để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn sau quá trình cổ phần hóa. Đồng thời tiến hành lộ trình tái cơ cấu nguồn vốn dần dần trong khoảng từ 3 – 5 năm, sắp xếp việc trả nợ đảm bảo khả năng thanh toán và khả năng tự chủ về tài chính là tối ưu nhất. Trên cơ sở xây dựng các phương án sản xuất kinh doanh, quản lý dòng tiền cũng như chiến lược phù hợp để có thể nâng cao uy tín cũng như thương hiệu của Công ty sau cổ phần hóa;
- Tăng cường, mở rộng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng đảm bảo khả năng thu xếp vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua tuy đã đạt được nhiều thành công nhưng cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức. Công việc không ổn định, nguồn việc không đều và thiếu, mức độ cạnh tranh trên thị trường ngày càng tăng tạo nguy cơ cho sự phát triển ổn định của Công ty. Để đạt được các mục tiêu trong kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đặt ra trong giai đoạn những năm tiếp theo đòi hỏi toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân viên trong Công ty phải tiếp tục phấn đấu nhiều hơn nữa để đạt được kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, Công ty cần có sự giúp đỡ từ phía

Nhà nước và chính quyền địa phương để có thể ổn định duy trì và phát triển hoạt động của Công ty, ít bị ảnh hưởng sau cổ phần hóa.

➤ **Về thị trường:**

Trong giai đoạn sắp tới, Công ty tập trung triển khai các nhóm biện pháp và hoạt động cụ thể như sau:

- Xây dựng chiến lược phát triển thị trường phù hợp với năng lực của Công ty trên từng lĩnh vực hoạt động cụ thể, trong đó tập trung vào 2 lĩnh vực chính là: dịch vụ công ích và dịch vụ nhận thầu các công trình xây dựng cơ bản, tiến tới dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.
- Tập trung tiết giảm chi phí trên mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện nghiêm túc các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm tối đa các chi phí quản lý; Tập trung cải cách các thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo thông tin điều hành được xử lý kịp thời, nhanh chóng, hiệu quả. Quán triệt vai trò trách nhiệm của cán bộ, nhân viên, tăng cường quản lý giờ lao động, bố trí nhân lực phù hợp, đúng người, đúng việc tạo điều kiện để lao động phát huy tối đa khả năng.
- Tranh thủ sự hỗ trợ của các ban ngành, địa phương trong thực hiện chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ kinh tế - chính trị của công ty. Nắm bắt kịp thời những thông tin về chiến lược, định hướng, tiến trình đầu tư, cung cấp các dịch vụ công cộng để giành lợi thế trong việc cạnh tranh, tham gia đầu tư hay nhận thầu xây lắp các dự án. Chú trọng tăng cường công tác đối ngoại để tranh thủ sự ủng hộ của các cấp lãnh đạo và ban ngành địa phương, không ngừng củng cố mở rộng quan hệ với các tổ chức quốc tế trong hoạt động bảo vệ môi trường và cung cấp dịch vụ công. Chủ động tìm kiếm đối tác kinh doanh và mở rộng địa bàn hoạt động, kể cả lĩnh vực công ích và các hoạt động kinh doanh khác. Khai thác và mở rộng thị trường hoạt động, đồng thời phát triển thêm ngành nghề kinh doanh trong thời gian tới. Chủ động áp dụng và thực hiện cơ chế đặt hàng theo đơn giá mới với chính quyền địa phương trong hoạt động công ích.

➤ **Về công nghệ:**

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý khoa học công nghệ, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách có năng lực để phụ trách việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý và sản xuất của Công ty.
- Nghiên cứu, tiếp cận, chuyển giao và sử dụng thành thực các loại công nghệ tiên tiến trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

➤ **Về nâng cao năng lực quản lý:**

- Công ty hoàn thiện các Quy chế, Quy trình nghiệp vụ phù hợp với các quy định của Nhà nước và pháp luật theo hướng khuyến khích, tạo điều kiện chủ động, phát huy tính sáng tạo của các bộ phận quản lý và đơn vị trực thuộc. Hoàn thiện tổ chức và nâng cao hiệu quả bộ máy của Công ty; tiếp tục bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động,

hệ thống quy chế quản lý cho phù hợp với mô hình tổ chức công ty cổ phần có vốn Nhà nước chi phối, phù hợp với chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước và phù hợp với cơ chế thị trường.

- Tăng cường áp dụng những chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại có hiệu quả cao. Kiện toàn bộ máy quản lý, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

➤ **Về nhân sự và bộ máy Công ty cổ phần:**

- Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ, công tác lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển Công ty.
- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đầu ngành, đảm bảo đủ nhân lực chất lượng cao có khả năng về chuyên môn và ngoại ngữ để có thể đáp ứng được yêu cầu trong lĩnh vực.
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống đánh giá nhân sự, thường xuyên tổ chức đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý theo từng thời kỳ.
- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức từ bộ phận quản lý đến các bộ phận trực tiếp theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với ngành nghề đào tạo, năng lực sở trường. Những cán bộ không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, Công ty sẽ đào tạo lại hoặc bố trí việc làm khác cho phù hợp.
- Ưu tiên nhận những người đã qua đào tạo cơ bản, tốt nghiệp đại học loại khá, giỏi theo nhu cầu tuyển dụng trong từng thời điểm.
- Hoàn thiện cơ chế chính sách động viên, khuyến khích có hiệu quả đối với người lao động; Xây dựng cơ chế đánh giá, bổ nhiệm, đãi ngộ khoa học, công khai, minh bạch tạo môi trường làm việc văn minh, thoải mái nhằm phát huy tối đa năng lực của từng cán bộ, nhân viên đồng thời duy trì phát triển được nguồn nhân lực hiện có và thu hút được nguồn nhân lực từ bên ngoài. Hàng năm, tiến hành bố trí, sắp xếp lao động một cách hợp lý theo đúng quy định và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh. Trong đó, những lao động có tinh thần trách nhiệm cao, gắn bó với doanh nghiệp, lao động đã mua cổ phần tại Công ty đồng thời là cổ đông của Công ty sẽ được ưu tiên hơn khi Công ty thực hiện các chính sách lao động.
- Không ngừng nâng cao thu nhập đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Đảm bảo có chính sách tiền lương phù hợp, đáp ứng được những nhu cầu chính đáng của người lao động để duy trì đội ngũ lao động có trình độ năng lực và tâm huyết; thực hiện việc phân phối tiền lương công bằng theo hiệu quả công việc, sự cống hiến của người lao động và phù hợp với điều kiện thị trường...

5. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không có

6. **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

a. **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):**

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty cổ phần Công trình đô thị Nam

Định đang ngày càng cải thiện các hoạt động cung cấp dịch vụ, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...) hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn cho phép trong các lĩnh vực như: vận chuyển, xây dựng công trình, phá dỡ, lắp đặt hệ thống lò sưởi, điện,..., góp một phần không nhỏ vào sự xanh – sạch – đẹp trên địa bàn.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Người lao động tại Công ty cổ phần Công trình đô thị Nam Định được đảm bảo mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội, được trang bị thiết bị làm việc đầy đủ, hiện đại, được đóng các loại bảo hiểm đầy đủ. Hàng năm, Công ty vẫn trích quỹ khen thưởng phúc lợi, kịp thời khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công việc.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm với cộng đồng địa phương như việc cùng tham gia vào các hoạt động tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân, tham gia ủng hộ biển đảo quê hương,...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm cạnh tranh đô thị và xã hội

Trong năm 2018, mặc dù gặp nhiều khó khăn thách thức, song toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế, chính trị được Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định giao cho. Thành phố Nam Định có một diện mạo mới: đường phố ngày càng khang trang, xanh – sạch – đẹp; điện chiếu sáng công cộng đã chiếu sáng phần lớn các tuyến phố, ngõ xóm; cây hoa, thảm màu được trồng trang trí theo mùa; các công trình phúc lợi công cộng khang trang sạch đẹp, văn minh.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã luôn chủ động trong việc ký kết hợp đồng đặt hàng, xây dựng hồ sơ đấu thầu cung cấp các dịch vụ công ích đô thị với Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định. Do đó công tác điều hành sản xuất kinh doanh luôn chủ động, tạo điều kiện mở rộng địa bàn sản xuất, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

2.1 Những việc đã làm được:

- Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT.
- Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, kịp thời cụ thể, quyết liệt; giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua.

- Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của CBCNV để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

2.2 Những hạn chế cần khắc phục:

Ban lãnh đạo Công ty cần tiếp tục nâng cao công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý. Với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 đạt được như trên, HĐQT đánh giá Ban điều hành dưới sự chỉ đạo của Giám đốc đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2018 được HĐQT giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với những thuận lợi và khó khăn của ngành đô thị, trong năm 2019, Hội đồng quản trị sẽ quyết tâm chỉ đạo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

- Chỉ đạo sát sao đối với hoạt động cung ứng dịch vụ của công ty;
- Nâng cao và ổn định chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu của thị trường;
- Cân đối giữa nguồn thu và chi để đáp ứng đủ nhu cầu vốn phục vụ kinh doanh;
- Cân đối và chủ động trả nợ theo tiến độ đã cam kết với các tổ chức tín dụng cho vay vốn đầu tư xây dựng.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Bảng số 12: Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Đỗ Minh Dũng	Chủ tịch HĐQT – Không điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 37.600 cổ phần, chiếm 2,04% vốn điều lệ. + Số cổ phần sở hữu đại diện cho UBND tỉnh Nam Định: 1.210.751 cổ phần, chiếm 65,74% vốn điều lệ.
2	Phạm Thái Sơn	Thành viên HĐQT – Điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 16.200 cổ phần, chiếm 0,87% vốn điều lệ.
3	Lê Chí Hiền	Thành viên HĐQT – Điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 16.200 cổ phần, chiếm 0,87% vốn điều lệ.
5	Phạm Thị Hải Quỳnh	Thành viên HĐQT – Điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 20.500 cổ phần, chiếm 1,11% vốn điều lệ

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Không có.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng của mình, kịp thời thảo luận đề đưa ra phương hướng và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của công ty. HĐQT luôn cập nhật tình hình hoạt động của Công ty thông qua báo cáo của Ban Giám đốc. Chỉ đạo Ban Giám đốc giám sát việc thực hiện mục tiêu đã giao. Thực hiện chức năng quản lý, giám sát, năm 2018 Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp và đã quyết định các nội dung quan trọng như:

- Kiểm tra việc thực hiện các quy chế quản trị, các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng;

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Bảng số 13: Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Trần Việt Dũng	Trưởng Ban kiểm soát	15.500 cổ phần, chiếm 0,84% vốn điều lệ.
2	Nguyễn Thu Hiền	Thành viên Ban kiểm soát	5.200 cổ phần, chiếm 0,28% vốn điều lệ.
3	Trần Thị Trung Hậu	Thành viên Ban kiểm soát	6.000 cổ phần chiếm 0,33% vốn điều lệ

2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tiến hành họp định kỳ để tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.
- Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.

- Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nội dung trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018, đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tình trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích:

Bảng số 14: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018
1	Thu nhập HĐQT và Ban Giám đốc	1.226.320.951	1.204.169.000
2	Thù lao Ban kiểm soát	407.163.015	348.141.500
	Tổng cộng	1.633.483.966	1.588.310.500

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2018 của Công ty)

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Stt	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Ngày bắt đầu – kết thúc giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu trước GD	Số cổ phiếu sở hữu sau GD	Tỷ lệ %	Lý do tăng, giảm
1							

(Nguồn: Công ty Cổ phần Công trình đô thị Nam Định)

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Không có

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tài chính của Công ty cổ phần Công trình đô thị Nam Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán năm 2018 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam. Toàn văn nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán 2018 được đăng trên website của Công ty tại địa chỉ <http://congtrinhdothinamdinh.vn/>.

TP. Nam Định, ngày 17 tháng 4 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- UBCKNN; HNX
- Cổ đông;
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TCHC.



Đỗ Minh Dũng